

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2026

(Đã được soát xét)

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	8

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2026

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên
Ông Đỗ Văn Trung	Thành viên
Ông Phạm Công Hợp	Thành viên
Ông Lê Tuấn Nam	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thà	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Trần Việt Đức	Thành viên

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Chí Công	Giám đốc	
Ông Phạm Công Hợp	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/02/2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2026

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Vì Văn Chung
Chủ tịch HĐQT

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Số: 26003/TASIC-SX

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/07/2026, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trần Huy Chiếu**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2023-258-1

Thay mặt và đại diện cho**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư Thăng Long**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B01a - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.883.411.605	27.204.327.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	815.845.309	72.575.378
1. Tiền	111		815.845.309	72.575.378
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.159.259.638	17.367.517.735
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		17.159.259.638	17.367.517.735
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.489.761.075	4.872.438.213
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.417.587.383	3.391.646.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	731.700.062	325.801.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	2.397.625.886	2.212.142.726
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(1.057.152.256)	(1.057.152.256)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.300.988.620	4.669.355.085
1. Hàng tồn kho	141		9.300.988.620	4.669.355.085
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		117.556.963	222.441.378
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	117.556.963	222.441.378
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.421.282.352	209.876.162.332
II. Tài sản cố định	220		195.993.366.139	205.854.305.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	195.993.366.139	205.854.305.545
Nguyên giá	222		361.815.370.099	361.815.370.099
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(165.822.003.960)	(155.961.064.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
Nguyên giá	228		479.800.000	479.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(479.800.000)	(479.800.000)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11	1.612.514.511	431.229.112
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.612.514.511	431.229.112
VII. Tài sản dài hạn khác	270		3.815.401.702	3.590.627.675
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	3.815.401.702	3.590.627.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		232.304.693.957	237.080.490.121

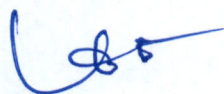
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B01a - DN

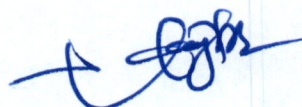
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.263.627.674	19.760.786.611
I. Nợ ngắn hạn	310		15.232.927.674	19.730.086.611
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.833.140.935	6.719.882.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.358.297.271	1.342.025.038
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	29.253.209	28.864.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	261.481.126	423.571.967
4. Phải trả người lao động	315		801.227.529	1.981.345.979
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	1.653.420.493	162.954.572
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	9.234.466.774	9.038.038.710
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	5.132.613	10.105.839
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		56.507.724	23.297.487
II. Nợ dài hạn	330		30.700.000	30.700.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		30.700.000	30.700.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	217.041.066.283	217.319.703.510
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.865.140.000	215.865.140.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.852	8.852
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(200.000.000)	(200.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.164.986.998	955.172.286
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		210.930.433	699.382.372
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		0	287.484.483
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		210.930.433	411.897.889
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.304.693.957	237.080.490.121

Người lập biểu



Phạm Văn Dũng

Kế toán trưởng



Đỗ Thuý An

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Chức vụ HĐQT



Vũ Văn Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B02a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.065.845.749	22.454.470.517
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.065.845.749	22.454.470.517
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.091.742.600	18.331.796.256
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.974.103.149	4.122.674.261
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	370.334.926	218.105.595
6. Chi phí tài chính	23	VI.4	2.467.331	4.037.963
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.467.331	4.037.963
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	127.036.190	77.759.498
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.965.210.818	3.963.956.992
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		249.723.736	295.025.403
10. Thu nhập khác	31	VI.7	12.577.500	56.122
11. Chi phí khác	32	VI.8	2.529.593	48.766.655
12. Lợi nhuận khác	40		10.047.907	(48.710.533)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		259.771.643	246.314.870
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	48.841.210	61.016.305
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		210.930.433	185.298.565

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Văn Dũng



Đỗ Thuý An



Vi Văn Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

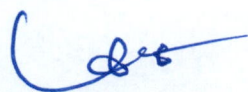
Mẫu số B03a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	259.771.643	246.314.870
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.860.939.406	9.250.304.025
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(370.334.926)	(218.105.595)
Chi phí đi vay	06	2.467.331	4.037.963
Các khoản điều chỉnh khác	07	0	113.601.842
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.752.843.454	9.396.153.105
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.489.106.298	1.056.486.918
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.631.633.535)	(1.055.745.698)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.569.180.573)	(4.820.056.938)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(119.889.612)	(310.070.331)
Chi phí đi vay đã trả	14	(2.467.331)	(4.037.963)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.173.374)	(100.884.895)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	0	47.799.910
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	0	(38.042.000)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	1.876.605.327	4.171.602.108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kt	21	(1.181.285.399)	(1.943.749.041)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.591.741.903)	(5.530.505.499)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.800.000.000	4.390.275.883
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	263.905.766	71.171.361
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(709.121.536)	(3.012.807.296)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	485.954.792	1.270.565.996
2. Tiền chi trả gốc vay	34	(490.928.018)	(1.270.565.996)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(419.240.634)	(244.679.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(424.213.860)	(244.679.461)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	743.269.931	914.115.351
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	72.575.378	235.868.423
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	815.845.309	1.149.983.774

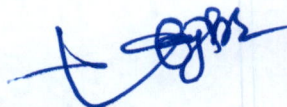
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2026



Phạm Văn Dũng



Đỗ Thuý An



Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Lai Châu. Ngày 05/01/2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 6200000230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09/07/2025.

- Tên giao dịch bằng tiếng anh: LAI CHAU CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 215.865.140.000 VND.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

Vốn thực góp tính đến thời điểm 30/06/2026 là **215.865.140.000 VND** (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Gia công cơ khí; Xử lý tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, không có sự kiện đặc biệt về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường hoặc các sự kiện lớn khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 128 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2025 là 133 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (Thông tư 99) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Thông tư 99 áp dụng cho kỳ hoạt động bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99 kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại (hoặc phân loại lại) một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2025 (được soạn lập dựa trên Thông tư số 200/2014/TT-BTC), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

9. Thông tin khác

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp”. Thông tư này thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kì kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2025. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 99/2025/TT-BTC, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cơ sở ước tính quan trọng sử dụng trong chính sách dự phòng nợ phải thu khó đòi: Công ty áp dụng phương pháp ước tính theo tuổi nợ (tỷ lệ phần trăm theo nhóm thời gian quá hạn) kết hợp với đánh giá cụ thể từng khoản nợ có dấu hiệu rủi ro cao. Phương pháp này được Ban Giám đốc đánh giá là phản ánh hợp lý rủi ro tín dụng của Công ty dựa trên kinh nghiệm thu hồi nợ trong quá khứ và tình hình tài chính hiện tại của từng khách hàng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Doanh nghiệp xác định số lượng và giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh (theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho trên sổ kế toán);

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận trong Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của từng mặt hàng tồn kho.

Phương pháp chi phí chuẩn: Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, Công ty có thể áp dụng phương pháp chi phí chuẩn để tính giá thành sản phẩm trong hoạt động sản xuất. Chi phí chuẩn được tính theo mức sử dụng bình thường của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, nhân công và hiệu suất sử dụng chi phí; được xem xét và điều chỉnh định kỳ theo điều kiện thực tế. Trong năm tài chính 2026, Công ty không áp dụng phương pháp chi phí chuẩn.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-08
Hệ thống cấp nước và tài sản cố định khác	20-25

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và cần việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hoá theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo này để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu mua lại của chính mình: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng cổ đông thông qua.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán nước sạch: là số tiền cung cấp nước sạch được ghi nhận trên hóa đơn giá trị gia tăng, xác định trên cơ sở khối lượng nước tiêu thụ và đơn giá bán nước.

Khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng được xác định căn cứ vào chỉ số đồng hồ nước của khách hàng tại thời điểm chốt chỉ số cuối tháng.

Đơn giá bán nước áp dụng theo mức giá do Công ty công bố trên website <https://capnuoclaichau.com.vn/> cho từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt.

Thời điểm ghi nhận doanh thu là ngày xác nhận chỉ số đồng hồ nước, đồng thời là ngày ghi trên hóa đơn tiền nước.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu của hoạt động tài chính được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác: Thu nhập được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 17% cho toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền	815.845.309	72.575.378
Tiền mặt tại quỹ	245.923.126	18.291.476
Tiền gửi ngân hàng	569.922.183	54.283.902
Cộng	815.845.309	72.575.378

2. Các khoản đầu tư tài chính**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2026			01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn	17.159.259.638	17.159.259.638	0	17.367.517.735	17.367.517.735	0
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	17.159.259.638	17.159.259.638	0	17.367.517.735	17.367.517.735	0
Dài hạn	0	0	0	0	0	0
Cộng	17.159.259.638	17.159.259.638	0	17.367.517.735	17.367.517.735	0

(*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với lãi suất tiền gửi từ 2,9% - 6,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	1.417.587.383	1057152256	3.391.646.743	1.057.152.256
Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	0	0	1.912.863.048	0
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quý Phú	23.262	0	153.383.262	0
Các khách hàng còn lại	415.217.232	54.805.367	323.053.544	54.805.367
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.417.587.383	1.057.152.256	3.391.646.743	1.057.152.256
<u>Trong đó:</u>				
c. Các bên liên quan	0	0	0	0

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	731.700.062	0	325.801.000	0
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư Thăng	0	0	27.500.000	0
Công ty cổ phần kỹ thuật A Châu	0	0	292.000.000	0
Công ty TNHH Phương Nguyên tỉnh Điện Biên	263.000.000	0	0	0
Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Mỹ Phát	272.160.000	0	0	0
Các khách hàng còn lại	196.540.062	0	6.301.000	0
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	731.700.062	0	325.801.000	0

5. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	2.397.625.886	0	2.212.142.726	0
Tạm ứng cho công nhân viên	198.260.000	0	119.206.000	0
Các khoản phải thu khác - UBND Tỉnh Lai Châu	2.199.365.886	0	2.092.936.726	0
(Giá trị đầu tư điều chỉnh giảm sau Quyết toán vốn đầu tư dự án) (*)	1.872.938.396	0	1.872.938.396	0
- Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	326.427.490	0	219.998.330	0
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	2.397.625.886	0	2.212.142.726	0

(*) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang điều chỉnh giảm giá trị quyết toán sau thời điểm Công ty chuyển đổi cổ phần hoá. Việc điều chỉnh giá trị quyết toán này phụ thuộc vào văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Lai Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

6. Nợ xấu

		30/06/2026			01/01/2026		
		VND			VND		
		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a.	Ngắn hạn		1.057.152.256	0		1.057.152.256	0
	Nợ phải thu						
	Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	>3 năm	1.002.346.889	0	>3 năm	1.002.346.889	0
	Công nợ tiền nước CN Nước Sạch Thành phố	>3 năm	53.856.415	0	>3 năm	53.856.415	0
	Công nợ tiền nước CN Nước Sạch Phong Thổ	>3 năm	948.952	0	>3 năm	948.952	0
b.	Dài hạn		0	0		0	0
	Cộng	0	1.057.152.256	0	0	1.057.152.256	0

7. Hàng tồn kho

		30/06/2026		01/01/2026	
		VND		VND	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ		660.000	0	660.000	0
Chi phí SX, KD dở dang		2.774.786.508	0	179.438.235	0
Hàng hóa		6.525.542.112	0	4.489.256.850	0
Cộng		9.300.988.620	0	4.669.355.085	0

8. Chi phí chờ phân bổ

		30/06/2026	01/01/2026
		VND	VND
a. Ngắn hạn		117.556.963	222.441.378
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		72.099.750	97.422.654
Các khoản khác		45.457.213	125.018.724
b. Dài hạn		3.815.401.702	3.590.627.675
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		488.553.612	549.943.350
Chi phí thay đồng hồ hết niên hạn sử dụng		2.437.319.870	2.048.125.826
Chi phí sửa chữa tài sản		531.780.970	750.787.006
Các khoản khác		357.747.250	241.771.493
Cộng		3.932.958.665	3.813.069.053

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2026	76.777.168.201	59.882.118.041	1.124.230.908	224.031.852.949	361.815.370.099
Tại ngày 30/06/2026	76.777.168.201	59.882.118.041	1.124.230.908	224.031.852.949	361.815.370.099
HAO MÔN LUYẾT					
Tại ngày 01/01/2026	27.745.438.569	30.625.649.515	802.948.676	96.787.027.794	155.961.064.554
Tăng trong năm	1.709.606.127	2.466.213.690	48.393.978	5.636.725.611	9.860.939.406
Tại ngày 30/06/2026	29.455.044.696	33.091.863.205	851.342.654	102.423.753.405	165.822.003.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2026	49.031.729.632	29.256.468.526	321.282.232	127.244.825.155	205.854.305.545
Tại ngày 30/06/2026	47.322.123.505	26.790.254.836	272.888.254	121.608.099.544	195.993.366.139

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 16.182.043.611 VND (Tại ngày 31/12/2025 là 15.833.353.414 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2026	479.800.000	479.800.000
Tại ngày 30/06/2026	479.800.000	479.800.000
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 01/01/2026	479.800.000	479.800.000
Tăng trong năm	0	0
Tại ngày 30/06/2026	479.800.000	479.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2026	0	0
Tại ngày 30/06/2026	0	0

11. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng	0	0	0	0
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
- Cải tạo, sửa chữa trạm xử lý nước Tà Lèng	1.428.513.042	1.428.513.042	354.552.076	354.552.076
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nguồn nước thô và hệ thống điều khiển trung tâm các nhà máy tại CN Phong Thổ	76.677.036	76.677.036	76.677.036	76.677.036
- Các công trình còn lại	107.324.433	107.324.433	0	0
Cộng	1.612.514.511	1.612.514.511	431.229.112	431.229.112

12. Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.833.140.935	6.719.882.599
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	0	2.692.677.222
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quý Phú	544	898.979.444
Công ty Cổ phần Kỹ thuật hạ tầng META	0	292.805.279
Đỗ Văn Trung	0	335.420.000
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương mại Mỹ Phát	0	97.549.800
Lương Văn Ba	0	743.401.000
Trung tâm xét nghiệm thuộc trường đại học y tế cộng đồng	0	237.611.000
Hoàng Thế Hùng	0	215.909.005
Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng công trình HHP Việt Nam	0	151.395.000
Bùi Gia Quý	616.144.000	0
Công ty TNHH thương mại và chuyển giao công nghệ Á Châu	198.031.932	49.063.300
Công ty TNHH DEVIWAS	361.800.000	0
Lý Văn Nam	268.104.667	40.158.000
Các khách hàng còn lại	389.059.792	964.913.549
b. Dài hạn	0	0
Cộng	1.833.140.935	6.719.882.599

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.358.297.271	1.342.025.038
Ban Quản lý dự án Tp. Lai Châu	1.316.897.850	1.316.897.850
Các khách hàng còn lại	41.399.421	25.127.188
b. Dài hạn	0	0
Cộng	1.358.297.271	1.342.025.038

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Các cổ đông khác	29.253.209	28.864.420
Cộng	29.253.209	28.864.420

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Tăng	Giảm	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp				
a.1 Ngắn hạn				
Thuế giá trị gia tăng	24.275.669	1.261.061.678	1.156.345.729	128.991.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.173.371	48.841.210	42.173.374	48.841.207
Thuế thu nhập cá nhân	1.838.400	5.460.802	7.299.202	0
Thuế tài nguyên	12.993.134	84.850.371	83.601.330	14.242.175
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	342.291.393	461.053.215	733.938.482	69.406.126
Cộng	423.571.967	1.861.267.276	2.023.358.117	261.481.126
a.2 Dài hạn				
Cộng	423.571.967	1.861.267.276	2.023.358.117	261.481.126
b. Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

16. Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.653.420.493	162.954.572
Trích trước phí kiểm toán và tư vấn	27.500.000	55.000.000
Trích trước chi phí sản xuất nước	1.010.342.493	107.954.572
Trích trước tiền lương năng suất	410.000.000	0
Trích trước thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Người quản lý	205.578.000	0
b. Dài hạn	0	0
Cộng	1.653.420.493	162.954.572

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

17. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn	9.234.466.774	9.038.038.710
Bảo hiểm xã hội	214.662.731	56.182.862
Bảo hiểm y tế	20.278.637	220.942
Bảo hiểm thất nghiệp	8.925.896	98.196
Phải trả về cổ phần hóa	5.875.634	5.875.634
Nhận ký cược, ký quỹ	265.776.900	257.326.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.718.946.976	8.718.334.176
- UBND tỉnh Lai Châu (vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá) (*)	8.707.337.232	8.707.337.232
- Phải trả khác	11.609.744	10.996.944
b. Dài hạn	0	0
c. Số nợ chưa thanh toán	0	0

(*) Chi tiết vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá.

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Công trình cấp nước Thị trấn huyện Sìn Hồ	4.801.652.784	4.801.652.784
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn I	1.159.881.306	1.159.881.306
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn II	2.745.803.142	2.745.803.142

18. Vay và nợ thuê tài chính

		01/01/2026	Trong năm		30/06/2026
		VND	VND		VND
Thuyết minh		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
a.	Vay ngắn hạn	10.105.839	485.954.792	490.928.018	5.132.613
a1.	Vay ngắn hạn				
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	0	469.783.890	469.783.890	0
	Vay thế tín dụng của BIDV	10.105.839	16.170.902	21.144.128	5.132.613
a2.	Nợ dài hạn đến hạn trả				
b.	Vay dài hạn	0	0	0	0
	Cộng	10.105.839	485.954.792	490.928.018	5.132.613

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2025	215.865.140.000	8.852	832.832.556	(200.000.000)	704.021.472	217.202.002.880
Lợi nhuận năm trước	0		0	0	411.897.889	411.897.889
Trích quỹ theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCD ngày 31/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	0	0	122.339.730	0	(163.119.640)	(40.779.910)
Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCD ngày 31/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	0	0	0	0	(244.679.461)	(244.679.461)
Giảm khác	0	0	0	0	(8.737.888)	(8.737.888)
Tại ngày 31/12/2025	215.865.140.000	8.852	955.172.286	(200.000.000)	699.382.372	217.319.703.510
Tại ngày 01/01/2026	215.865.140.000	8.852	955.172.286	(200.000.000)	699.382.372	217.319.703.510
Lợi nhuận năm nay	0	0	0	0	210.930.433	210.930.433
Trích quỹ theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHCD ngày 17/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026	0	0	209.814.712	0	(279.752.949)	(69.938.237)
Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHCD ngày 17/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026	0	0	0	0	(419.629.423)	(419.629.423)
Tại ngày 30/06/2026	215.865.140.000	8.852	1.164.986.998	(200.000.000)	210.930.433	217.041.066.283

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
UBND tỉnh Lai Châu	211.219.140.000	211.219.140.000
Vốn đầu tư của các cổ đông khác	4.646.000.000	4.646.000.000
Cộng	215.865.140.000	215.865.140.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	215.865.140.000	215.865.140.000
+ Vốn góp đầu năm	0	0
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	215.865.140.000	215.865.140.000
+ Vốn góp cuối năm	0	0
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.586.514	21.586.514
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
a. Doanh thu		
Doanh thu cung cấp nước sạch	22.922.029.375	21.066.894.506
Doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt mạng lưới cấp nước và doanh thu khác	1.143.816.374	1.387.576.011
Cộng	24.065.845.749	22.454.470.517
<u>Trong đó:</u>		
b. Doanh thu đòi với các bên liên quan	0	0
c. Doanh thu cho thuê tài sản ghi nhận trước một lần	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	18.375.149.098	17.569.493.528
Giá vốn hàng bán, lắp đặt mạng lưới cấp nước	716.593.502	762.302.728
Cộng	19.091.742.600	18.331.796.256

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	370.334.926	218.105.595
Cộng	370.334.926	218.105.595

4. Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Lãi tiền vay	2.467.331	4.037.963
Cộng	2.467.331	4.037.963

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí khác bằng tiền	127.036.190	77.759.498
Cộng	127.036.190	77.759.498

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.941.098	316.980.768
Chi phí nhân công	2.800.669.571	2.293.693.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.920.438	150.090.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.319.204	8.033.289
Chi phí khác bằng tiền	1.431.360.507	1.195.159.035
Cộng	4.965.210.818	3.963.956.992

7. Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu bán phế liệu	12.577.500	0
Các khoản khác	0	56.122
Cộng	12.577.500	56.122

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

8. Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Các khoản phạt và truy thu thuế	1.702.448	48.766.655
Các khoản khác	827.145	0
Cộng	2.529.593	48.766.655

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	48.841.210	61.016.305
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	48.841.210	61.016.305

(*): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	259.771.643	246.314.870
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	27.529.593	58.766.655
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	0	0
Thu nhập chịu thuế TNDN trong năm	287.301.236	305.081.525
Thuế suất	17%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.841.210	61.016.305

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.275.729.655	2.350.941.935
Chi phí nhân công	7.288.357.035	6.978.544.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.860.939.406	9.250.304.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.958.588.133	1.752.730.979
Chi phí khác bằng tiền	1.909.287.072	1.496.249.072
Cộng	25.292.901.301	21.828.770.754

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

2. Thông tin về các bên liên quan**a. Giao dịch với chủ sở hữu**

- UBND tỉnh Lai Châu là cổ đông sở hữu 97,85% vốn điều lệ (tương đương 211.219.140.000 VND). Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với UBND tỉnh Lai Châu chi tiết như sau:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	1.872.938.396	0	0	1.872.938.396
Phải trả khác	8.707.337.232	0	0	8.707.337.232
Chia cổ tức 2025	0	410.597.866	410.597.866	0

b. Giao dịch với thành viên chủ chốt

- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Lương; Thù lao Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	241.652.522	631.166.506	680.448.605	192.370.424

- Ban kiểm soát:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Lương; Thù lao Ban kiểm soát	76.731.722	287.088.591	293.949.065	69.871.248

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính và 6 tháng đầu năm 2025 trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 (Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025) của Công ty đã được soát xét.

Một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 được phân loại trình bày lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại (Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2026 Theo Thông tư 99 VND	Tại ngày 31/12/2025 Theo Thông tư 200 VND	Chênh lệch (VND)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
A. Phần Tài sản		0	0	0
B. Phần Nguồn vốn		9.066.903.130	9.066.903.130	0
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	28.864.420	0	(28.864.420)
Phải trả ngắn hạn khác	320	9.038.038.710	9.066.903.130	28.864.420

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2026

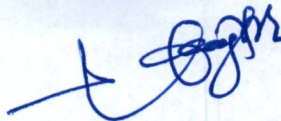
Người lập biểu

Kế toán trưởng

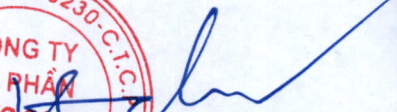
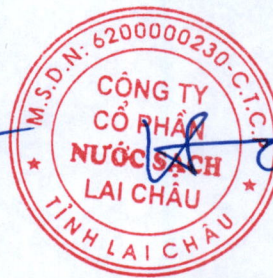
Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Dũng



Đỗ Thuý An



Vì Văn Chung

H
F
★